

Số: 115/2018/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 02 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 142/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: tổ 6, ấp i, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn*: bà Quàng Ánh H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 22, thôn T, xã N', huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Ngọc T và bà Quàng Ánh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Ngọc T và bà Quàng Ánh H.

- Về con chung: giao cho bà Quàng Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Phạm Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 25/11/2012 cho đến tuổi thành niên. Ông Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2018 đến khi con chung thành niên.

Quyền thay đổi nuôi con, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất là 10%/năm.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông T và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: ông Phạm Ngọc T nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2015/0007423 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông Phạm Ngọc T đã nộp đủ số tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
 - VKSND huyện;
 - THA DS huyện;
 - Dương sự;
 - UBND xã Tí, huyện H, tỉnh Bình
- Phước;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hồ Trọng Hiếu

